



MỸ PHẨM SÀI GÒN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2011**



CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

930 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi
Khu Công nghiệp Cát Lái 2, quận 2, TPHCM

Điện thoại : (84.8) 3742 1104 - 3742 1105

Fax : (84.8) 3742 1100 -3742 1101

Email : info@saigoncosmetics.com

www.saigoncosmetics.com

MỤC LỤC

- 1. Tầm nhìn và sứ mệnh**
- 2. Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- 3. Thông tin công ty**
 - Giới thiệu về công ty
 - Cơ cấu tổ chức công ty
 - Giới thiệu Hội đồng quản trị
 - Giới thiệu Ban kiểm soát
 - Giới thiệu Ban điều hành
 - Thông tin cổ đông
- 4. Báo cáo của Hội đồng quản trị**
- 5. Báo cáo Ban điều hành**
 - Tổng quan hoạt động kinh doanh
 - Phân tích tài chính
 - Hệ thống phân phối
 - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm
- 6. Báo cáo của Ban kiểm soát**
- 7. Báo cáo tài chính**
- 8. Hướng đến cộng đồng**
- 9. Hệ thống các chi nhánh**

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH

Tâm nhìn

Trở thành công ty hàng đầu của Việt Nam trong ngành hóa mỹ phẩm phục vụ cho thị trường Việt Nam và quốc tế.

Sứ mệnh

Cam kết mang đến cho khách hàng sản phẩm với chất lượng và giá cả hợp lý nhất, luôn hướng tới mọi hoạt động của Công ty nhằm phục vụ sự thỏa mãn khách hàng.

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông , các nhà đầu tư,

Tình hình kinh tế thế giới năm 2011 đứng trước những khó khăn và thách thức, nền kinh tế nước ta còn một số hạn chế, kinh tế vĩ mô chưa thật ổn định: lạm phát và lãi suất tín dụng ở mức khá cao; thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán trầm lắng. Các Doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn,,người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu do kinh tế suy giảm đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các dự án đầu tư của Công ty.

Để chủ động ứng phó với những biến động của thị trường, nâng cao hiệu quả và chất lượng quản trị điều hành, ngay từ đầu năm Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp kiểm soát và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Với ý thức trách nhiệm,HĐQT, BĐH, BKS và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty, không ngừng củng cố, mở rộng quy mô để đảm bảo thực hiện chiến lược kinh doanh 2011-2015. Trong tình hình kinh tế khó khăn công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt kế hoạch doanh thu và vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Những nỗ lực trong năm 2011 tạo tiền đề cho sự phát triển kinh doanh trong năm 2012. Kinh tế năm 2012 được nhận định càng khó khăn và thách thức nhiều hơn. Nhiệm vụ đặt ra cho 2012 là khá nặng nề với tăng trưởng doanh thu dự kiến trên 30%

Tôi tin tưởng rằng với năng lực và nguồn lực của SCC sẽ đủ khả năng thực hiện sứ mệnh, để trở thành công ty hàng đầu của Việt Nam trong ngành hóa mỹ phẩm.

Tôi kêu gọi tất cả các thành viên tiếp tục phấn đấu để đạt được tốc độ tăng trưởng trên 30% so với năm 2011, chúng ta cần tập trung vào ba việc chính sau:

- Nâng cao năng lực làm việc và luôn sáng tạo,
- Chuyên nghiệp hóa trong quản trị và làm việc,
- Tiết kiệm chi phí tối đa để đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận.

Về mục tiêu dài hạn, thị trường mỹ phẩm Việt Nam được đánh giá là tăng trưởng tốt trong tương lai. SCC luôn chú trọng đầu tư cả chiều sâu và chiều rộng để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Thay mặt SCC, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các Thành viên HĐQT, BĐH, toàn thể cán bộ, công nhân viên, các đối tác trong và ngoài nước, các Quý Khách Hàng trên toàn quốc đã đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Đặc biệt, xin cảm ơn người tiêu dùng Việt Nam và tất cả người tiêu dùng của các nước trên thế giới đã tin nhiệm và tin dùng sản phẩm.

Xin chân thành cảm ơn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2012

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị



Nguyễn Kim Hoa

THÔNG TIN CÔNG TY

Ù GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển công ty

Ø Giai đoạn công ty là doanh nghiệp nhà nước (1990 đến 1999)

- **Năm 1990:** thành lập Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn, tiền thân là hãng nước hoa Imortel trước năm 1975.
- **Năm 1992:** Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn được chuyển thành Công ty Mỹ phẩm Sài Gòn, trực thuộc Sở Công Nghiệp, hạch toán độc lập.

Ø Giai đoạn cổ phần hóa (1999 -2011...)

- **Năm 1999:** Trở thành Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn theo Quyết định số 1135/QĐ-TTg ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 28/01/2000.
- **Năm 2001 đến 2003:** Triển khai và áp dụng thành công ISO 9001: 2000 vào công tác quản trị hệ thống
- **Năm 2003 đến 2005:** Đầu tư mua và xây dựng nhà máy mới tại 930 Nguyễn Thị Định, Khu Công nghiệp Cát Lái 2, Quận 2, TP.HCM.

Năm 2005 : Nhận chứng chỉ ISO 9001:2000

- **Năm 2006 :** Khánh thành nhà máy, di dời toàn bộ 3 nhà xưởng cũ về nhà máy mới hoạt động với dây chuyền sản xuất khép kín, máy móc thiết bị hiện đại. Bao gồm 1 khu văn phòng; 03 phân xưởng sản xuất chính: nước hoa, xà bông, và dầu gội; 02 khu pha chế và 01 kho hàng.
- **Năm 2007:** Chính thức trở thành công ty đại chúng, công bố thông tin theo quy định
- **Năm 2009 :** Xây dựng hệ thống phân phối và xây dựng thương hiệu hướng đến cộng đồng
- **Năm 2010 -2011:** Trở thành 1 trong 3 đơn vị đầu tiên trong ngành mỹ phẩm đạt được chứng nhận CGMP ASEAN. Nhận chứng chỉ ISO 9001:2008

2. Các danh hiệu nổi bật

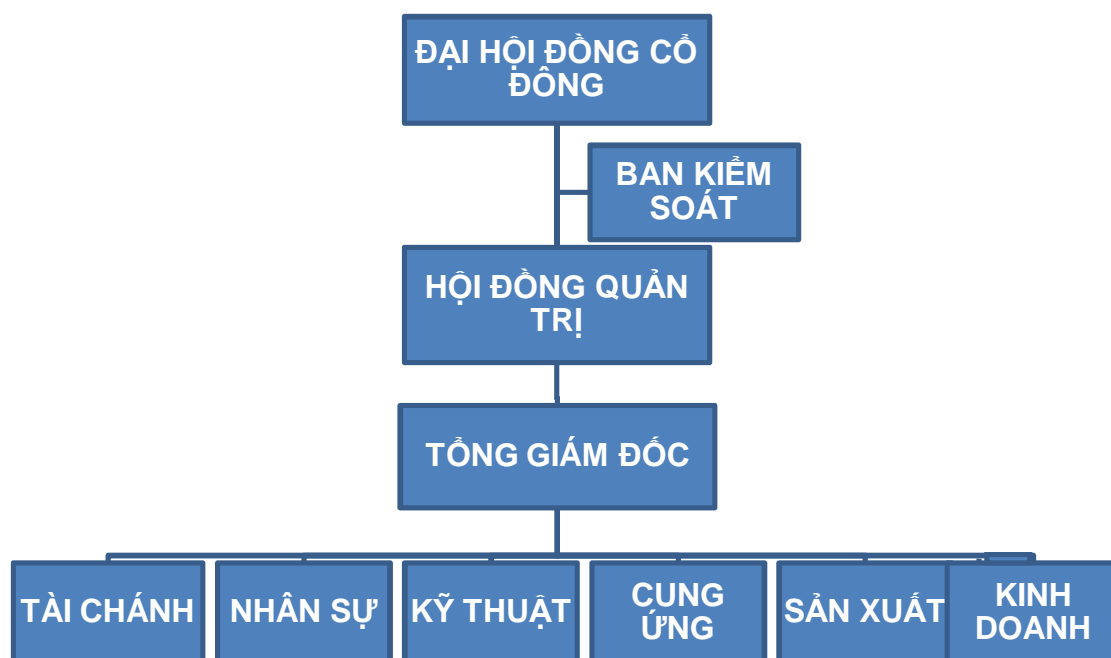
Qua hơn 20 năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã vinh dự đạt được rất nhiều danh hiệu, trong đó nổi bật bao gồm :

Năm	Tên danh hiệu	Tổ chức trao tặng
1994	Huân chương lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
2000	Huân chương lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước
2004	Thương hiệu mạnh	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2005	Thương hiệu Việt yêu thích	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2006	“Top 5” ngành hàng mỹ phẩm của cả nước	Báo Sài gòn tiếp thị
2006	Huân chương lao động hạng Nhất	Chủ tịch nước
2007	Doanh nghiệp mỹ phẩm duy nhất được giải thưởng “WIPO” về sở hữu trí tuệ	Liên Hiệp Quốc
2007	Bằng danh dự đã có thành tích xuất sắc trong việc hỗ trợ các tài năng sáng tạo Khoa học – Công nghệ Việt Nam giai đoạn 2005-2007	Quỹ hỗ trợ sáng tạo Kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC)
2008 - 2010	Thông hiệu nước hoa Miss Saigon ngoài giải thông “Thương hiệu nổi tiếng”	VCCI & SC Nielsen
2009	Top 500 thương hiệu mạnh	VCCI
2010	Doanh nghiệp coi hoạt động kinh doanh xuất sắc trong 05 năm liền	Thủ tướng chính phủ
1997 -2011	Hàng Việt Nam chất lượng cao 15 năm liên tiếp (1997 – 2012) và được người tiêu dùng bình chọn : “Sản phẩm tốt nhất”.	Báo Sài Gòn Tiếp thị
2011	Cúp vàng Top ten Thương hiệu Việt- ứng dụng khoa học kỹ thuật	TT NC-UD Phát triển Thương hiệu Việt
2011	Sao Vàng Đất Việt	
2007 - 2011	Cúp Bông Hồng Vàng 5 năm liền	VCCI

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại mỹ phẩm, các loại chất tẩy rửa.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp mỹ phẩm, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hóa mỹ phẩm.
- Thực hiện các dịch vụ thẩm mỹ.
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng.

II CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



Số lượng lao động

Tổng số lượng lao động hiện nay tại Công ty là 298 người.

Cơ cấu lao động phân theo đối tượng lao động

Đối tượng lao động	Số người	Tỷ lệ
Lao động trực tiếp	105	35,24%
Lao động gián tiếp	193	64,77%
Tổng cộng	298	100,00%

Cơ cấu lao động phân chia theo trình độ

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	04	1.34%
Đại học	71	23,83%
Cao đẳng, Trung cấp	49	16,45%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	174	58.38%
Tổng cộng	298	100,00%

a. Chính sách đào tạo

Hàng năm, Công ty lập kế hoạch đào tạo từ đào tạo tay nghề cho công nhân đến đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên (bao gồm đào tạo nội bộ và đào tạo từ bên ngoài). Việc huấn luyện hay đào tạo lại cũng được Công ty thực hiện ngay khi thay đổi kỹ thuật hay cách thức, cơ cấu tổ chức sản xuất.

b. Chính sách đối với người lao động

- Bên cạnh chế độ chính sách khuyến khích nhân tài, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết khả năng của mình.
- Công ty tuân thủ nghiêm túc mọi quy định của pháp luật và luật lao động được Bộ lao động quy định như: ký hợp đồng trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn...

Chính sách lương: Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty ban hành phù hợp với Bộ luật lao động, trên tinh thần đảm bảo công bằng, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Chính sách trợ cấp: Ngoài tiền lương, thưởng, người lao động ở còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động được Công ty thực hiện tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ rất được quan tâm.

Hiện tại, vẫn duy trì chế độ ăn trưa hàng ngày với chất lượng đảm bảo cho CBCNV trong Công ty. Hàng năm vào dịp lễ, Công ty tổ chức các hoạt động văn thể mỹ cho toàn thể CBCNV.

Ù GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên năm 2008 tổ chức ngày 08/12/2009, Đại Hội cổ đông có tiến hành bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2010-2014

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, gồm 07 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Nguyễn Kim Thoa	Chủ tịch HĐQT	1954	Kỹ sư Hóa
2	Lý Nguyễn Lan Phương	Thành viên HĐQT	1984	Cử nhân Tài Chính
3	Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	Thành viên HĐQT	1959	Cử nhân Kinh tế
4	Trần Phương Ivy	Thành viên HĐQT	1976	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
5	Lê Duy Cường	Thành viên HĐQT	1967	Kỹ sư Hoá
6	Huỳnh Khôn	Thành viên HĐQT	1945	Cử nhân Kinh tế
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	1976	Cử nhân Dược

Trong số 7 thành viên của Hội đồng Quản trị có 2 thành viên là thành viên độc lập không tham gia vào điều hành và 1 thành viên là tổ chức do ông Nguyễn Hồng Tâm đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra). Các thành viên HĐQT thường xuyên liên lạc, tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng nhằm thảo luận về tình hình hoạt động của công ty kịp thời đưa ra những quyết định định hướng cho Ban điều hành.

Ù GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban kiểm soát (BKS)

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Đào Nam Việt	Trưởng ban	1954	Kỹ sư Hóa
2	Lê Quang Dũng	Thành viên	1973	Thạc sĩ QTKD
3	Hà Như Linh	Thành viên	1955	Cử nhân Tài chính

Trong năm 2011, Ban Kiểm Soát đã xem xét toàn diện hoạt động của công ty để báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thù lao của Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định là 2.5% /LNTT.

II GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Lý Nguyễn Lan Phương	Tổng Giám đốc	1984	Cử nhân Tài Chính
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Giám đốc Điều hành Kinh doanh	1976	Cử nhân Dược
3	Lê Quang Dũng	Giám đốc xuất khẩu	1973	Cử nhân Luật
4	Lê Duy Cường	Giám đốc Kỹ Thuật Đảm Bảo Chất Lượng	1967	Kỹ sư Hoá
5	Đào Nam Việt	Giám đốc Sản xuất	1954	Kỹ sư Hoá
6	Lê Thị Thu Hương	Giám Đốc Phân tích Tài chính	1976	Cử nhân Kinh tế
7	Nguyễn Hồng Tâm	Giám đốc Hành chính nhân sự	1959	Cử nhân Kinh tế
8	Trần Ngọc Cẩm	Giám đốc Tài chính	1964	Cử nhân Kinh tế
9	Nguyễn Quốc Sử	Giám đốc Cung ứng	1963	Kỹ sư Hoá

Ù THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thời điểm 31/12/2011, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trên vốn cổ phần :

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	655.697	8,13%
2	Ông Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	588.816	7,30%
3	Ông Lee Juay Meng	582.229	7,22%
4	Ông Huỳnh Khôn	527.900	6,55%
5	Ông Lý Hiếu Ái	447.651	5,55%

Số lượng cổ phiếu sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	655.697	8,13%
2	Ông Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	588.816	7,30%
3	Ông Huỳnh Khôn	527.900	6,55%
4	Ông Lê Duy Cường	150.584	1,87%
5	Bà Lý Nguyễn Lan Phương	251.618	3,12%
6	Bà Trần Phương Ivy	171.634	2,13 %
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	155.216	1,93%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình kinh tế chung năm 2011

- Môi trường kinh tế vĩ mô chưa ổn định, Môi trường kinh tế thế giới bất ổn
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2011 tăng 5,89% so với năm 2010. Tuy thấp hơn mức tăng 6,78% của năm 2010
- Lạm phát vẫn còn ở mức cao, 17,27%
- Lãi suất vẫn còn ở mức cao, 19% -21%
- Dự trữ ngoại hối còn ở mức khiêm tốn, ~ 15 tỷ đôla
- Giá vàng tăng 39%, giá USD tăng 8,47% so năm 2010
- Chỉ số giá tiêu dùng CPI cả năm 2011 là 18,12%,
- Thâm hụt thương mại lớn
- Thị trường chứng khoán giảm mạnh và không ổn định

- Thị trường bất động sản (BDS) vẫn đang trầm lắng

2. Dự báo môi trường kinh doanh năm 2012

- Kinh tế thế giới biến động xấu, nhà đầu tư mất niềm tin. Tuy nhiên Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ vẫn sẵn sàng đầu tư vào công ty cổ phần ở Việt Nam. Mua lại các công ty có sẵn thương hiệu và gia tăng thị phần trên thị trường nội địa, nhất là thị trường nông thôn.
- Giá than, điện, xăng dầu, ... biến động tăng. Giá gạo thế giới tăng do lũ lụt ở Thái Lan, Việt Nam, Campuchia.
- Việt Nam tiếp tục hội nhập, giảm thuế nhập khẩu và mở cửa thị trường đối với các sản phẩm công nghiệp và dịch vụ theo lộ trình. Thuế môi trường bắt đầu có hiệu lực
- Lạm phát còn diễn biến phức tạp. Lãi suất ngân hàng có thể giảm theo lạm phát, song vẫn còn tương đối cao. Cung tín dụng có thể tăng từ 12% (2011) lên 15-17% (2012). Tỷ giá có thể biến động 3%. Tín dụng ngoại tệ tăng mạnh do chênh lệch lãi suất.
- Tái cơ cấu đầu tư, ngân hàng, DNNN có thể đem lại cơ hội mới cho khu vực tư nhân tham gia các dự án kết cấu hạ tầng, mua cổ phần.
- Theo thống kê có khoảng 80.000 doanh nghiệp Việt Nam đã bị phá sản năm 2011 và quý 1 năm 2012

3. Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2011:

Năm 2011 là năm đạt được kết quả kinh doanh cao so với kế hoạch dù tình hình khó khăn của nền kinh tế Việt Nam với lạm phát và lãi suất cao, sức mua và tiêu dùng suy giảm. Luôn duy trì mục tiêu đi đầu trong lĩnh vực sản xuất nước hoa, Công ty liên tục đã cho ra đời sản phẩm mỹ phẩm dành cho nhiều phân khúc khách hàng khác nhau. Năm 2011 SCC đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2010.

- Doanh thu năm 2011 của công ty đã đạt 153.588 tỷ
- Lợi nhuận sau thuế : 10.6 tỷ tăng 82% so năm 2010 (5.8 tỷ)
- Cổ tức : 7%

Bảng doanh thu thực hiện so với kế hoạch năm 2011 :

ĐVT: 1,000,000 VNĐ

CHỈ TIÊU	TH 2011	KH 2011	TH/KH(%)	TH 2010	2011/2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	153,588	144,300	106,44	153,523	100,00
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	1,315	1,159	113,46	722	182,14
Lợi nhuận trước thuế	11,002	11,300	97,35	7,803	140,99
Lợi nhuận sau thuế	10,603	8,475	125	5,818	182,24

Kết quả kinh doanh cho thấy SCC tiếp tục phát triển mặc dù tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức. Doanh thu vượt 6,4% so kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đã tăng 82% so cùng kỳ năm 2010. Điều này chứng minh công tác điều hành đạt hiệu quả tốt trong bối cảnh Công ty phải đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế.

4. Những thay đổi chủ yếu trong năm :

• Với chính sách mở cửa nhà nước Việt Nam khi chính thức gia nhập vào WTO, SCC đã mạnh dạn đầu tư nhằm mục tiêu chiến lược phát triển và ổn định tình hình kinh doanh cho năm 2011 như sau:

- Đầu tư nhà máy mỹ phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế và tối đa hóa năng xuất
- Đầu tư xây dựng hệ thống phân phối kinh doanh
- Đầu tư phát triển sản phẩm mới chất lượng cao
- Đầu tư quảng bá xây dựng thương hiệu chính : Miss Saigon Elegance, Miss Vietnam, DeAndre, Essy, Cindy, Fresh, Aromalink, Saigon, Fresh...
- Tập trung đẩy mạnh và phát triển thị trường xuất khẩu.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2012 :

Với tình hình kinh tế vĩ mô năm 2012 được dự báo là còn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Mục tiêu nền kinh tế năm 2012 là ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc và sắp xếp các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát lạm phát dưới một con số.

- Tăng trưởng GDP ở mức 6 - 6,5% ;
- Lạm phát năm 2012 dự kiến dưới 10% ;
- Kiểm soát tăng trưởng tín dụng: 15% - 17% .

SCC đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2012 với chỉ tiêu như sau :

ĐVT: 1,000 VNĐ

CHỈ TIÊU	KH 2012	TH 2011	% KH/TH11
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	199,665,000	153,588,469	130,00%
Lợi nhuận trước thuế	12,900,000	11,002,618	117,2%

4.1. Mục tiêu chiến lược chung:

- Tiếp tục tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất mỹ phẩm, phát huy tối đa thế mạnh các sản phẩm dị biệt như : Miss Vietnam, Miss Saigon Elegance của công ty để ổn định thị trường, gia tăng lợi nhuận.
- Tiếp tục hợp tác phát triển sản xuất, gia công mỹ phẩm nhằm đa dạng hóa sản phẩm.
- Tăng trưởng doanh thu thông qua :
 - Phát triển và mở rộng hệ thống phân phối truyền thống và hiện đại
 - Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực
- Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và phát triển theo mục tiêu chiến lược dài hạn
- Tái cấu trúc bộ máy nhân sự và cải tiến quy trình công việc nhằm việc nâng cao năng suất và hiệu quả.
- Nâng cao năng lực sản xuất và lợi thế cạnh tranh
- Phát huy các dự án bất động sản mang lại hiệu quả cao

Về nguồn vốn :

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Thời điểm 31/12/2010	Thời điểm 31/12/2011
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	80,630,390,000	80,630,390,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	24,544,846,942	24,544,846,942
3	Quỹ đầu tư phát triển	4,747,085,477	5,038,013,146
4	Quỹ dự phòng tài chính	4,176,329,444	4,467,257,113
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9,520,942,533	16,832,820,534
	Tổng cộng nguồn vốn chủ sở hữu	123,619,594,396	131,513,327,735

Bảng đề xuất phân phối lợi nhuận năm 2011

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Số tiền
I	Tổng lợi nhuận phân phối (1+2)	19,251,732,234
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	8,648,159,525
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2011	10,603,572,709
II	Chi cổ tức đợt 1 (đã tạm ứng - tỷ lệ 3%)	2,418,911,700
III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối 31/12/2011 theo BCKT (I-II)	16,832,820,534
IV	Phân phối lợi nhuận (1+2)	5,239,894,415
1	Trích lập các quỹ	2,014,678,815
	Quỹ dự phòng tài chính (5%)	530,178,635
	Quỹ khen thưởng - phúc lợi (6%)	636,214,363
	Quỹ đầu tư phát triển (8%)	848,285,817
2	Chi cổ tức đợt 2 (sẽ chia tỷ lệ 4%)	3,225,215,600
V	Tổng lợi nhuận giữ lại (III -IV)	11,592,926,119

Lợi nhuận sau thuế được giữ lại nhằm mục tiêu đáp ứng yêu cầu kế hoạch kinh doanh năm 2012 trước tình hình kinh tế và thị trường với nhiều diễn biến phức tạp.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tổng quan hoạt động kinh doanh

Doanh thu của SCC năm 2011 đạt 106% so kế hoạch nhưng lợi nhuận sau thuế đã tăng 82% so với năm 2010. Lợi nhuận tăng trưởng nhanh hơn doanh thu. Năm 2011, giá nguyên vật liệu đầu vào của thị trường đều tăng cao. Giá nguyên liệu nhập khẩu tăng từ 15-40% không những chỉ do giá thế giới tăng mà còn do tỷ giá USD/VND năm 2011 tăng 8,47% so với bình quân năm 2010. Trong khi đó, SCC đã cố gắng hạn chế mức tăng giá bán trong năm 2011. Công ty đã thực hiện chính sách linh hoạt để thích ứng tình hình khó khăn chung. Lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần của SCC tăng 3,59 % so cùng kỳ.

Để thực hiện tốt chiến lược kinh doanh năm 2012 như Hội Đồng Quản trị đề ra, Ban Giám Đốc đã có kế hoạch hành động cụ thể như sau :

- Quản lý, kiểm soát chặt nguồn vốn: Nâng cao hiệu suất vòng quay vốn, hạn chế tối đa việc vay nợ. Nhờ chính sách tài chính an toàn qua các năm, hiện nay hoạt động công ty hoàn toàn không phụ thuộc vào vốn từ ngân hàng.
- Cơ cấu lại nhân sự: công ty đã sắp xếp lại bộ máy tinh gọn, vận hành có hiệu quả và tăng năng suất lao động.

- Triệt để tiết kiệm chi phí quản lý, chi phí nguyên vật liệu để hạ giá thành, toàn hệ thống tập trung theo dõi diễn biến giá cả nguyên vật liệu để chốt giá mua tốt nhất.
- Quản lý doanh nghiệp tiên tiến đang được vận dụng triển khai, hệ thống sản phẩm đang được chuẩn hóa, mảng tài chính kế toán, phần mềm quản lý đang được nâng cấp để thích nghi giai đoạn hiện nay cũng như chuẩn bị nội lực cho tương lai.

Lĩnh vực kinh doanh mỹ phẩm

- Trong kế hoạch năm 2010- 2015, phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực, dòng sản phẩm cao cấp đã và đang được người tiêu dùng đón nhận tốt.
- Đầu tư mạnh kênh phân phối cho thị trường nội địa và xuất khẩu nhằm gia tăng thị phần.

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản:

- Dự án 762 Bình Quới: với tình hình bất động sản năm 2011, với 60.000 căn hộ cho thuê tại TP HCM đang bị khủng hoảng thừa và lãi suất ngân hàng biến động khó lường. Với chính sách kìm chế lạm phát và thắt chặt tiền tệ của chính phủ, Công ty liên doanh Thanh Đa đã nghiên cứu thị trường bất động sản và đề nghị HĐQT của SCC thay đổi chiến lược đầu tư từ TTTM, căn hộ cho thuê nhiều tầng chuyển thành khu biệt thự, nhà phố biệt lập nhằm mục tiêu chính sau :

§ Thu hồi vốn sớm

§ Dùng nguồn vốn tự có của công ty, giảm thiểu tác động rủi ro do yếu tố thị trường, lãi vay ngân hàng.

§ Triển khai dự án đúng tiến độ được giao và đăng ký

- Dự án 208 Cô Bắc, Quận 1: hiện đang cho thuê làm văn phòng, Công ty đã tiến hành xin thay đổi công năng thay đổi số tầng cao 12 tầng hiện đang làm thủ tục Sở tài chính về việc định giá do thay đổi công năng và chuẩn bị các thủ tục liên quan nhằm triển khai dự án đạt kết quả tốt nhất.

Ù Phân tích tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

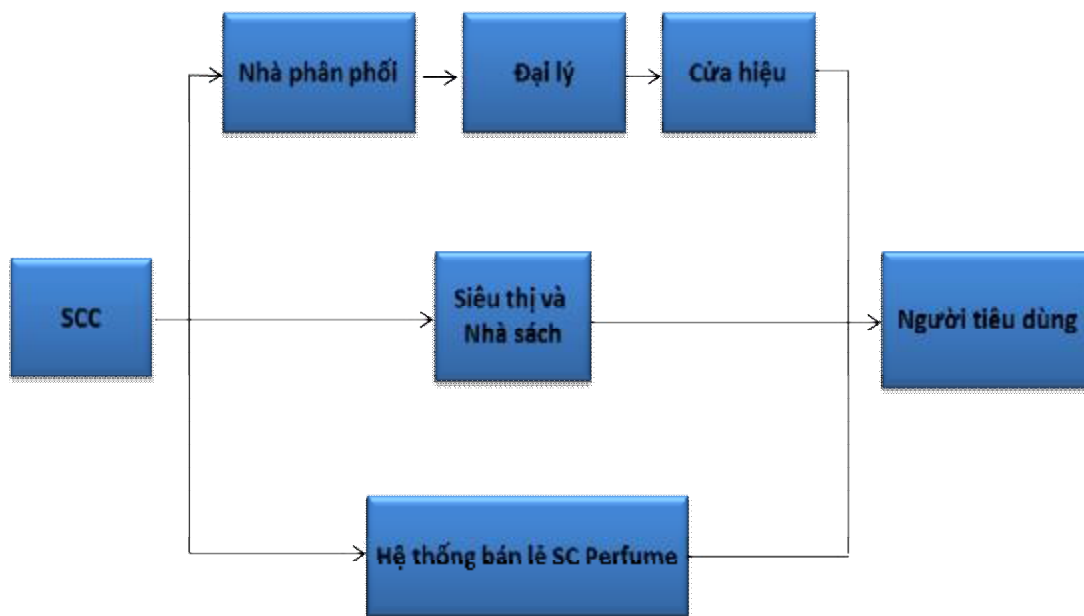
• , nguồn
vốn chủ sở hữu là 131.513.327.735 đồng.

- Những thay đổi về vốn cổ đông: tính đến 31/12/2011 là 80.630.390.000 đồng.
- Tổng số cổ phiếu phổ thông là 8.063.039 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 8.063.039 cổ phiếu

Ù Hệ thống phân phối

Thị trường nội địa :

Một trong những thành công SCC là hoàn thiện hệ thống phân phối. Tính đến hết năm 2011, Công ty đã bao phủ được hơn 13.500 điểm bán lẻ, thực hiện đơn hàng gia công cho các siêu thị lớn, xây dựng các chương trình bán hàng “đồng hành cùng SCC” tại các khu công nghiệp trọng điểm trong năm 2011 góp phần giúp ổn định công việc thường xuyên và thu nhập cho công nhân. Nhằm góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, SCC đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các khách hàng theo định kỳ từ đó nhận những phản hồi để cải thiện.



Thị trường xuất khẩu :



- SCC đã thực hiện các chương trình giao lưu và nghiên cứu thị trường để hiểu rõ về văn hóa và thị hiếu người tiêu dùng tại các quốc gia khác nhau. SCC đã chủ động phối hợp các trường đại học The College of William and Mary và đại học Loyola University Chicago Graduate School of Business của Mỹ nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu về văn hóa, sản phẩm và tâm lý tiêu dùng góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển thị trường xuất khẩu.
- Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 3 triệu đô la Mỹ chiếm hơn 40% doanh thu toàn công ty tăng 22% so cùng kỳ.



Giao lưu chia sẻ kinh nghiệm quản lý cùng các Nữ doanh nhân Nhật Bản

Ù Nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Tóm tắt quá trình nghiên cứu

Từ năm 2005 đến nay, Công ty đã tiếp tục khảo sát, nghiên cứu nhu cầu và thị hiếu người tiêu dùng, từ đó tung ra hàng loạt các sản phẩm được sản xuất theo công nghệ điều chế nước hoa tiên tiến của Pháp, mang tính đột phá về kiểu dáng, chất liệu, và tính năng, sản phẩm. Minh chứng cho sự thành công trong quá trình nghiên cứu là thương hiệu đã được các thị trường xuất khẩu ngày càng được đón nhận, tăng trưởng doanh thu vượt mức kế hoạch ban đầu.



Năm 2010, Tiếp nối thành công bộ sưu tập nước hoa Miss Saigon Elegance, và cũng nhằm hưởng ứng tích chương trình của Chính phủ “Người Việt Nam dùng hàng Việt nam” Mỹ phẩm Sài Gòn đã mạnh dạn đầu tư nghiên cứu phát triển và giới thiệu ra thị trường bộ sưu tập nước hoa cao cấp mới mang tên Miss Vietnam với những điểm độc đáo như sau:

- Bao bì chai được làm bằng gốm sứ cao cấp và được in lên chai những hoa văn theo văn hóa của từng vùng miền rất ấn tượng.(sản phẩm đã được công ty phối hợp cùng với các nghệ nhân chuyên nghiệp và nổi tiếng trong ngành gốm sứ).
- Kiểu dáng chai mang hình dáng thiếu nữ trong trang phục truyền thống của ba miền đất nước như Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
- Và đặc biệt từ công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm, hương thơm của bộ sản phẩm này đã được công ty chủ động phối hợp Viện nghiên cứu điều hương theo tiêu chuẩn quốc tế tại Pháp và các nguyên vật liệu được nhập khẩu từ Pháp.



Sản phẩm đã được sản xuất theo quy trình quốc tế CGMP và áp dụng quy trình quản lý hệ thống chất lượng theo ISO 9001: 2008.



Bên cạnh đó sản phẩm thiết yếu tiêu dùng hàng ngày như dầu gội bồ kết thiên nhiên Fresh được chiết xuất từ trái bồ kết, dầu gội Spring, xà bông cục nhiều mùi hương khác nhau chanh, lài... luôn được cải tiến về chất lượng và được người tiêu dùng yêu thích và sử dụng.



Bên cạnh các kênh phân phối hiện hữu của Công ty, từ năm 2007, Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn đã chính thức đưa vào hoạt động kênh phân phối mới là hệ thống cửa hàng bán lẻ SC Perfume. Chuỗi cửa hàng SC Perfume được thiết kế theo mô hình kiểu dáng hiện đại với đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp. Trong thời gian tới, SC Perfume sẽ được tiếp tục phát triển trên các tỉnh thành lớn trong cả nước nhằm góp phần đưa những sản phẩm của Công ty đến tận tay người tiêu dùng trong và ngoài nước một cách tiện lợi và nhanh chóng.



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Năm tài chính 2011 đánh dấu năm hoạt động tích cực. Lợi nhuận sau thuế công ty đã tăng trưởng 82% so cùng kỳ năm 2010. Hoạt động của SCC không chỉ trải dài khắp Việt Nam mà còn phát triển nhiều nước trên thế giới, SCC cũng đã liên tục xây dựng và phát triển hệ thống quản lý, quản trị với bảy khối điều hành chính, quản lý gần 300 cán bộ công nhân viên. Sự phát triển của SCC trong một thị trường đầy biến động và khó khăn không chỉ tại Việt Nam mà còn trên toàn thế giới. Hoạt động trong một môi trường như vậy, việc quản lý rủi ro, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của bộ máy là vô cùng quan trọng để giảm thiểu rủi ro mà không làm kìm hãm tăng trưởng.

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát (“BKS”) tập trung vào công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết tại SCC trong các lĩnh vực trọng yếu và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp của SCC. Trong năm 2011, BKS hoạt động chủ yếu thông qua các hình thức sau:

- Kiểm soát hoạt động và rủi ro thông qua thành lập Ban kiểm tra nội bộ (BKTNB)
- Tham gia các cuộc họp HĐQT với tư cách giám sát;
- Thường xuyên trao đổi với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động của BKS.

Trong năm 2011, BKTNB đã tiến hành 2 đợt kiểm tra đối với các quy trình quản lý kinh doanh chính của Công ty bao gồm: quy trình quản lý hoạt động marketing, quy trình quản lý hoạt động nhân sự, quy trình bán hàng và quản lý ngân sách bán hàng, quy trình quản lý hoạt động điều phối vận chuyển và quy trình quản lý định mức sản xuất. Đối với mỗi đợt kiểm tra, Ban KTNB đều có các kiến nghị cụ thể và rõ ràng và được kiểm chứng bởi ban kiểm toán.

Kết quả kiểm tra nội bộ cho thấy không có rủi ro đáng kể trong hệ thống quy trình quản lý của SCC cũng như việc tuân thủ của các đơn vị và cá nhân liên quan. Tuy nhiên có những điểm cần cải tiến để tăng năng suất, hợp lý hóa qui trình làm việc đã được báo cáo và các bộ phận đã nghiêm túc ghi nhận.

Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành, chịu trách nhiệm chính, hệ thống có cơ chế báo cáo định kỳ đã được thiết lập từ cơ sở lên đến HĐQT, nhằm đảm bảo rằng các rủi ro trong hoạt động của công ty luôn được dự báo, xem xét và đánh giá lại theo định kỳ để giúp từng cấp có thẩm quyền điều chỉnh hướng xử lý rủi ro cho phù hợp.

BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ và theo yêu cầu, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của SCC và đóng góp ý kiến với HĐQT và BDH trong việc thực hiện các chiến lược và mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt tại đại hội tháng 12 năm 2011. BKS nhận thấy HĐQT và BDH đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình. Các phương án kinh doanh, dự án đầu tư cơ bản, cơ hội đầu tư, và huy động vốn được trao đổi, bàn bạc chi tiết và cởi mở, chỉ được phê duyệt khi có đồng thuận tuyệt đối để có lợi ích và phù hợp nhất với

chiến lược phát triển của SCC. Các ý kiến đóng góp của BKS với tư cách giám sát viên và đại diện của nhà đầu tư đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của HĐQT.

BKS cũng tiến hành phân tích báo cáo tài chính soát xét hàng quý. Theo các báo cáo định kỳ và số liệu phân tích do BĐH trình bày tại các cuộc họp HĐQT, báo cáo soát xét hàng quý và báo cáo kiểm toán cả năm vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, BKS nhận thấy tình hình tài chính của SCC như sau:

- Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao;
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của SCC đều đạt và vượt các chỉ tiêu do ĐHCĐ phê duyệt.

Kết luận và Đề xuất

Với các kết quả từ năm 2011, BKS tin tưởng rằng các hoạt động quản lý rủi ro, kiểm tra và kiểm soát đã đem lại cho HĐQT, BĐH và các bộ phận được kiểm toán thêm những thông tin quan trọng về thực trạng của hệ thống và những việc cần làm để tiếp tục hoàn thiện bộ máy của SCC, phục vụ cho tăng trưởng và khả năng tận dụng cơ hội thị trường trong dài hạn.

BKS, với tư cách là đại diện của các cổ đông, hết sức tin tưởng vào năng lực quản trị, xây dựng và phát triển doanh nghiệp của HĐQT, BĐH và toàn thể cán bộ, công nhân viên của SCC và cảm ơn Công ty đã tạo điều kiện tối đa để hỗ trợ hoạt động của BKS. Cuối cùng, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ các quý vị Cổ đông đã dành cho BKS.

Xin chân thành cảm ơn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2012

Trưởng ban kiểm soát



Dao Nam Viet

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89,698,971,875	89,276,800,708
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23,309,581,195	12,257,325,114
1.	Tiền	111		5,296,884,760	3,009,615,455
2.	Các khoản tương đương tiền	112		18,012,696,435	9,247,709,659
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,969,182,376	3,233,092,501
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5,346,633,002	5,840,902,486
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3,377,450,626)	(2,607,809,985)
III.	Các khoản phải thu	130		25,117,414,691	33,924,948,533
1.	Phải thu của khách hàng	131	V.4	24,205,586,708	31,897,810,253
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	1,277,635,053	2,038,744,122
3.	Phải thu nội bộ	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	138	V.6	176,143,984	625,314,270
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(541,951,054)	(636,920,112)
IV.	Hàng tồn kho	140		36,480,898,811	34,348,026,631
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	38,090,192,813	36,211,688,879
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(1,609,294,002)	(1,863,662,248)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2,821,894,802	5,513,407,929
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		176,184,100	37,566,574
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		872,863,535	3,351,187,787
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1,632,759
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1,772,847,167	2,123,020,809

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		82,346,641,127	84,522,400,752
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		48,473,577,527	52,893,129,718
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	19,006,652,875	20,137,604,139
	<i>Nguyên giá</i>	222		<i>41,884,937,188</i>	<i>40,709,793,009</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(22,878,284,313)</i>	<i>(20,572,188,870)</i>
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	28,954,425,036	29,243,374,831
	<i>Nguyên giá</i>	228		<i>29,551,226,854</i>	<i>29,540,501,854</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(596,801,818)</i>	<i>(297,127,023)</i>
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	512,499,616	3,512,150,748
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.14	1,381,862,753	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		1,391,137,000	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		<i>(9,274,247)</i>	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30,000,000,000	30,000,000,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-

2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	30,000,000,000	30,000,000,000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		2,491,200,847	1,629,271,034
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1,985,565,242	1,168,955,429
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.17	505,635,605	460,315,605
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172,045,613,002	173,799,201,460

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A		30			
-	NỢ PHẢI TRẢ	0		40,532,285,267	50,179,607,064
		31			
I.	Nợ ngắn hạn	0		39,993,612,227	49,657,361,884
1.	Vay và nợ ngắn hạn	1	V.18	-	424,100,822
2.	Phải trả người bán	2	V.19	11,888,681,313	17,856,560,771
3.	Người mua trả tiền trước	3	V.20	489,842,002	100,754,887
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4	V.21	3,876,240,337	4,747,674,900
5.	Phải trả người lao động	5	V.22	4,598,199,032	4,181,136,831
6.	Chi phí phải trả	6	V.23	664,467,178	1,508,925,754
7.	Phải trả nội bộ	7		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	8		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9	V.24	17,180,165,025	18,931,901,158

10		32			
.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0		-	
11		32			
.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3	V.25	1,296,017,340	1,906,306,761
12		32			
.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	7		-	-
		32			
II.	Nợ dài hạn	0		538,673,040	522,245,180
		33			
1.	Phải trả dài hạn người bán	1		-	-
		33			
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	2		-	-
		33			
3.	Phải trả dài hạn khác	3	V.26	439,402,500	439,402,500
		33			
4.	Vay và nợ dài hạn	4		-	-
		33			
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5		-	-
		33			
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	6	V.27	99,270,540	82,842,680
		33			
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	7		-	-
		33			
8.	Doanh thu chưa thực hiện	8		-	-
		33			
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	9		-	-
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ	40			
-	HỮU	0		131,513,327,735	123,619,594,396
		41			
I.	Vốn chủ sở hữu	0		131,513,327,735	123,619,594,396
		41			
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1	V.28	80,630,390,000	80,630,390,000
		41			
2.	Thặng dư vốn cổ phần	2	V.28	24,544,846,942	24,544,846,942
		41			
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	3		-	-
		41			
4.	Cổ phiếu quỹ	4		-	-
		41			
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	5		-	-
		41			
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6		-	-
		41			
7.	Quỹ đầu tư phát triển	7	V.28	5,038,013,146	4,747,085,477

	41			
8. Quỹ dự phòng tài chính	8	V.28	4,467,257,113	4,176,329,444
	41			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	9		-	-
10	42			
. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	0	V.28	16,832,820,534	9,520,942,533
11	42			
. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1		-	-
12	42			
. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	2		-	-
	43			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	0		-	-
	43			
1. Nguồn kinh phí	2		-	-
	43			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	3		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN	44			
VỐN	0		172,045,613,002	173,799,201,460

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	153,588,469,971	153,523,413,636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		15,003,531,353	10,140,240,162
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	138,584,938,618	143,383,173,474
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	80,461,953,744	84,901,471,514
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58,122,984,874	58,481,701,960
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,041,227,950	2,650,629,956
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,852,896,867	1,927,182,861
Trong đó: chi phí lãi vay	23		474,332	153,276,638
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	31,119,030,683	38,052,262,871
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14,185,485,234	13,195,910,139
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,006,800,040	7,956,976,045
11. Thu nhập khác	31	VI.7	54,506,581	368,236,586
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,058,688,331	521,383,973
13. Lợi nhuận khác	40		(1,004,181,750)	(153,147,387)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,002,618,290	7,803,828,658
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	399,045,581	1,985,275,278
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,603,572,709	5,818,553,380
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,315	722

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ						
(Theo phương pháp gián tiếp)						
Năm 2011						
						Đơn vị tính: VND
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		11,002,618,290	7,803,828,658	
2.	Điều chỉnh cho các khoản:					
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V.14	2,615,044,485	2,534,883,927	
-	Các khoản dự phòng	03	V.3, V.7, V.9	420,303,337	1,023,549,415	
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(355,297,440)	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(1,439,084,894)	(1,775,451,267)	
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	474,332	153,276,638	
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12,599,355,550	9,384,789,931	
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12,470,251,797	(133,833,125)	
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,878,503,934)	(705,696,008)	
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8,092,991,364)	(3,985,854,056)	
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		557,882,806	303,353,589	
-	Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(474,332)	(153,276,638)	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(992,804,971)	(4,306,274,223)	
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		186,061,200	74,633,500	
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1,131,718,893)	(398,518,086)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13,717,057,859	79,324,884	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(1,371,022,415)	(3,304,628,463)	
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1,200,000	17,272,727	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(60,770,000)	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-	
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2,100,000,000	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	1,473,073,959	1,765,952,891	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		103,251,544	517,827,155	

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)					
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1,414,917,389
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(424,100,822)	(9,533,414,614)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(2,343,952,500)	(5,743,210,400)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,768,053,322)	(13,861,707,625)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11,052,256,081	(13,264,555,586)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12,257,325,114	25,521,880,700
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	23,309,581,195	12,257,325,114

Ý kiến Kiểm toán độc lập

Tên Công Ty: Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi Quận 1 TPHCM

Điện thoại: (84-8) 3 8272 295 Fax: (84-8) 3 8272 300

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài

chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc kinh doanh, quan tâm quyền lợi Cán bộ, công nhân viên, cổ đông, khách hàng và với sự đóng góp tích cực từ các Cán bộ, công nhân viên và cổ đông Công ty đã có những hoạt động hướng về cộng đồng. Tổng chi cho các chương trình từ thiện xã hội trong năm 2011 là 1.150.000.000 đồng thực hiện các chương trình Chương trình “Cây mùa xuân 2011”, xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ phát động chương trình “ *Người Việt dùng hàng Việt*”, gây quỹ và phát học bổng Lê Duy Tân, Nguyễn Đức Cảnh cho học sinh nghèo hiếu học, học sinh giỏi cho con em cán bộ công nhân viên công ty, nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà người nghèo, khuyết tật, người mù, người già neo đơn, Ủng hộ đồng bào thiên tai, lũ lụt, phát quà bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện...

HỆ THỐNG CÁC CHI NHÁNH VÀ CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

Tên đơn vị	Địa chỉ
Hệ thống chi nhánh	
1.Chi nhánh TPHCM	159 Nguyễn Văn Cừ, Phường 5, Quận 5, TPHCM
2.Chi nhánh tại Cần Thơ	Số 63, đường Quang Trung, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
3.Chi nhánh tại Hà Nội	Ô số 11, lô 5, Đền Lừ 2, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Showroom SC Perfurm	
1.Showroom Quận 1	135B Nguyễn Huệ, Q.1, TPHCM
2.Showroom Quận 1	230 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3.Showroom Quận 5	159 Nguyễn Văn Cừ, Phường 5, Quận 5, TPHCM
4.Showroom Tân Bình	15-17 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Tp.HCM
5.Showroom Quận 10	Số 3C, đường 3/2, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
6.Showroom Quận	TTTM Crescent mall Tôn Dật Tiên, Phú Mỹ Hưng, Q.7, HCM
7.Showroom tại Phan Thiết	Số 1A, đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
8.Showroom tại Hà Nội	40 Hàng trống, Quận Hoàn Kiếm Hà nội
9.Showroom tại Hà Nội	Siêu thị Co-op mart Km 10 Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội.
10.Showroom Cần Thơ	Siêu thị Co-op mart số 01 Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH


Nguyễn Kim Choa